

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày 14-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Đào Đức Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ Trụ sở: Số 169, phố L, phường H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C: Ông Huỳnh Thanh N - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C; địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp S, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng S; Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp S, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 7-02-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng C có người đại diện hợp pháp trình bày cho rằng ngày 17-12-2010, Ngân hàng C có cho Bà Lâm Thị T vay chương trình Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167 số tiền 8.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 6000006200095349, lãi suất 3%/năm, thời hạn vay 119 tháng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 12 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Đến ngày 07-02-2025, Bà Lâm Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi món vay hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167. Tổng số tiền Bà Lâm Thị T còn nợ là 11.190.609 đồng, trong đó số tiền gốc là: 8.000.000 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 07 tháng 02 năm 2025 là: 3.190.609 đồng.

Ngày 22-01-2015, Ngân hàng C có cho Bà Lâm Thị T vay chương trình Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 4.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 6600000703356542, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 06 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Đến ngày 07-02-2025, Bà Lâm Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi món vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tổng số tiền Bà Lâm Thị T còn nợ là 5.967.780 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 17 tháng 10 năm 2024 là: 1.967.780 đồng.

Do đó, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Bà Lâm Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng số tiền là: 17.098.553 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày khởi kiện là 1.967.780 đồng + 3.190.609 đồng. Đồng thời, Bà Lâm Thị T phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh sau ngày khởi kiện cho đến khi trả hoàn tất nợ gốc và lãi theo Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Tòa án giải quyết buộc cá nhân Bà Lâm Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử tổng số tiền: 17.296.472 đồng (trong đó, số tiền gốc 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng, tiền lãi 1.967.780 đồng + 3.328.692 đồng) và tiền lãi phát sinh theo theo hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Lâm Thị T trình bày thừa nhận có vay và nợ Ngân hàng C số tiền vốn 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng và lãi phát sinh. Do Bà Lâm Thị T thuộc diện khó khăn của địa phương nên được vay tiền trên để sửa chữa nhà ở và làm nhà vệ sinh gia đình; con gái của bà tên Nguyễn Thị Hồng S không liên quan đến khoản vay trên. Hiện bà đã lớn tuổi không có thu nhập nên không thể trả hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng C. Nay Bà Lâm Thị T xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng đến khi trả hết nợ; bà là người cao tuổi không có thu nhập nên bà đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ tiền án phí phát sinh tại Tòa án cho bà; ngoài ra bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện đối với bị đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ tổng cộng 17.296.472 đồng (trong đó, số tiền gốc 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng, tiền lãi 1.967.780 đồng + 3.328.692 đồng) và tiền lãi phát sinh theo theo hợp đồng đã ký; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 7 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Bị đơn Bà Lâm Thị T cư trú Ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp S, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ (kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng) thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa, bị đơn Bà Lâm Thị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Hồng S được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C xác định khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân Bà Lâm Thị T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng 17.296.472 đồng (trong đó, số tiền gốc 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng, tiền lãi 1.967.780 đồng + 3.328.692 đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký. Xét thấy, việc tự quyết định, định đoạt các nội dung như trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với Bà Lâm Thị T về nợ vay theo Sổ vay vốn mã KH 6200072758, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ mã KH 6200072758 (Mã món vay số 6000006200095349), Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10-12-2010 và Sổ lưu tờ rời theo

dối cho vay - thu nợ - dư nợ mã KH 6200072758 (Mã món vay số 6600000703356542), Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20-01-2015. Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Lâm Thị T thừa nhận toàn bộ số tiền nợ (vốn + lãi) phát sinh với Ngân hàng C và cho rằng bà vay số tiền vốn trên sử dụng sửa chữa nhà ở và làm nhà vệ sinh gia đình; nhưng hiện bà đã lớn tuổi không có thu nhập nên không thể trả được hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng C, bà xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng, ngoài ra bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc cá nhân Bà Lâm Thị T phải thanh toán tiền nợ theo các hợp đồng đã ký kết số tiền tổng cộng 17.296.472 đồng (trong đó, số tiền gốc 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng, tiền lãi 1.967.780 đồng + 3.328.692 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký là phù hợp ý chí thỏa thuận giữa hai bên, đúng quy định tại Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Việc Bà Lâm Thị T xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng nhưng không được người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C đồng ý nên không có cơ sở xem xét ý kiến này của Bà Lâm Thị T.

[4] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ngân hàng C không phải chịu án phí; Bà Lâm Thị T phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên Bà Lâm Thị T là người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 4, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm c khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn Bà Lâm Thị T về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

1.1 Buộc Bà Lâm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ tính đến ngày 14-8-2025 tổng cộng là 17.296.472 đồng (trong đó, số tiền gốc 4.000.000 đồng + 8.000.000 đồng, tiền lãi 1.967.780 đồng + 3.328.692 đồng) theo Sổ vay vốn mã KH 6200072758, Sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ mã KH 6200072758 (Mã món vay số 6000006200095349), Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10-12-2010 và Sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ mã KH 6200072758 (Mã món vay số 6600000703356542), Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20-01-2015 được ký kết giữa Ngân hàng C và Bà Lâm Thị T.

1.2 Kể từ ngày 15-8-2025, nếu Bà Lâm Thị T không thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng C thì Bà Lâm Thị T còn phải trả lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Sổ vay vốn mã KH 6200072758, Sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ mã KH 6200072758 (Mã món vay số 6000006200095349), Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10-12-2010 và Sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ mã KH 6200072758 (Mã món vay số 6600000703356542), Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20-01-2015 trên số tiền vốn vay chưa thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng C không phải chịu; Bà Lâm Thị T được miễn toàn bộ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND KV8-CT;
- THADS TPCT (KV8);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhân